



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản  
Minh Phú**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
<b>Đăng ký Kinh doanh</b>	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010
	2000393273 (điều chỉnh lần 1)	ngày 15 tháng 10 năm 2014
	2000393273 (điều chỉnh lần 2)	ngày 15 tháng 12 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
	Bà Chu Thị Bình	Phó Chủ tịch
	Ông Chu Văn An	Thành viên
	Ông Lê Văn Điệp	Thành viên
	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Thành viên
	Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên (đến ngày 18 tháng 8 năm 2016)
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
	Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Dịu Minh	Phó Tổng Giám đốc

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Trần Văn Khánh	Trưởng ban (từ ngày 29 tháng 11 năm 2016)
	Bà Phạm Hoàng Yến	Thành viên (từ ngày 7 tháng 5 năm 2016 đến ngày 19 tháng 11 năm 2016)
	Ông Nguyễn Thiện Tâm	Trưởng ban (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)
	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên
	Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên
	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên (đến ngày 7 tháng 5 năm 2016)

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 16 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

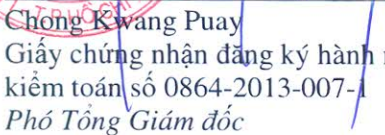
### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 15-01-268/2016



  
Chong Kwang Puay  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0864-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2017

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>3.762.593.165.369</b>	<b>4.569.800.842.952</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.106.270.875.699</b>	<b>631.784.693.548</b>
Tiền	111		25.670.875.699	430.784.693.548
Các khoản tương đương tiền	112		1.080.600.000.000	201.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>406.366.007.876</b>	<b>597.432.649.411</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	14.811.109.411	14.811.109.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(10.045.101.535)	(8.378.460.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	401.600.000.000	591.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.322.884.482.370</b>	<b>1.292.354.051.013</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	1.152.719.308.951	1.157.634.625.248
Trả trước cho người bán	132		58.739.666.605	20.257.962.711
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	10.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	101.425.506.814	114.461.463.054
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>896.738.401.151</b>	<b>1.986.749.874.765</b>
Hàng tồn kho	141		910.349.191.287	2.003.063.231.125
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.610.790.136)	(16.313.356.360)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.333.398.273</b>	<b>61.479.574.215</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	400.442.358	1.140.368.410
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.708.251.713	45.375.430.083
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	16(b)	8.224.704.202	14.963.775.722

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú**

**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.581.569.711.037</b>	<b>1.660.779.289.458</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.306.508.578</b>	-
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	7.306.508.578	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>228.261.353.461</b>	<b>250.661.032.725</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	194.297.721.132	214.958.247.944
Nguyên giá	222		387.766.515.890	379.219.715.770
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(193.468.794.758)	(164.261.467.826)
Tài sản cố định vô hình	227	11	33.963.632.329	35.702.784.781
Nguyên giá	228		41.753.286.703	41.753.286.703
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.789.654.374)	(6.050.501.922)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.660.994.364</b>	<b>3.560.994.364</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	6.660.994.364	3.560.994.364
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(c)</b>	<b>1.328.370.747.578</b>	<b>1.396.138.926.105</b>
Đầu tư vào công ty con	251		1.633.817.400.000	1.632.862.400.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		3.900.000.000	3.900.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.000.000.000	7.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(316.346.652.422)	(247.623.473.895)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.970.107.056</b>	<b>10.418.336.264</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	10.970.107.056	10.418.336.264
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>5.344.162.876.406</b>	<b>6.230.580.132.410</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú**

**Bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.703.542.533.175</b>	<b>4.656.373.297.563</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.215.737.634.624</b>	<b>1.674.546.013.691</b>
Phải trả người bán	311	15	109.032.269.612	133.905.993.612
Người mua trả tiền trước	312		4.179.970.561	19.810.399.585
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	16(a)	308.399.638	873.868.347
Phải trả người lao động	314		42.830.880.902	34.741.037.045
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	18.382.003.386	19.870.424.180
Vay ngắn hạn	320	18(a)	1.002.200.700.199	1.391.622.664.937
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	38.803.410.326	73.721.625.985
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.487.804.898.551</b>	<b>2.981.827.283.872</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	2.500.000.000	2.500.000.000
Trái phiếu	338	18(b)	2.482.916.666.673	2.977.916.666.669
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	14	1.504.396.502	196.279.113
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	883.835.376	1.214.338.090
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.640.620.343.231</b>	<b>1.574.206.834.847</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.640.620.343.231</b>	<b>1.574.206.834.847</b>
Vốn cổ phần	411	22	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Cổ phiếu quỹ	415	22	(80.162.090.861)	(80.162.090.861)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	9.789.721.526	52.223.331.236
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		833.115.843.330	724.268.725.236
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		724.268.725.236	594.466.020.136
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		108.847.118.094	129.802.705.100
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>5.344.162.876.406</b>	<b>6.230.580.132.410</b>

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	8.183.582.881.040	8.571.026.445.593
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	46.775.708.292	125.770.032.876
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b> <b>(10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>8.136.807.172.748</b>	<b>8.445.256.412.717</b>
Giá vốn hàng bán	11	26	7.601.735.013.714	7.817.520.595.766
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>535.072.159.034</b>	<b>627.735.816.951</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	147.113.453.788	208.562.742.771
Chi phí tài chính	22	28	279.209.466.041	360.347.601.695
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>147.510.699.614</i>	<i>139.642.284.396</i>
Chi phí bán hàng	25	29	235.707.047.164	286.108.615.299
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	53.468.933.094	60.713.692.476
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>113.800.166.523</b>	<b>129.128.650.252</b>
Thu nhập khác	31		3.399.648.558	5.337.097.746
Chi phí khác	32		726.553.489	7.248.172.289
<b>Kết quả từ hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.673.095.069</b>	<b>(1.911.074.543)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>116.473.261.592</b>	<b>127.217.575.709</b>
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hiện hành	51	32	6.318.026.109	(964.131.895)
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	32	1.308.117.389	(1.620.997.496)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>108.847.118.094</b>	<b>129.802.705.100</b>

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập:

*[Signature]*

Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



*[Signature]*

Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>116.473.261.592</b>	<b>127.217.575.709</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		33.345.867.607	30.463.314.297
Các khoản dự phòng	03		67.687.253.838	80.348.606.107
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.989.616.283)	(3.181.581.044)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(163.592.304)	(90.000.000)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(125.296.864.664)	(146.153.531.301)
Lỗ từ giải thể công ty con	05		-	212.507.759
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	06		152.510.699.618	142.558.951.065
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>240.567.009.404</b>	<b>231.375.842.592</b>
Biến động các khoản phải thu	09		11.418.551.342	598.148.464.643
Biến động hàng tồn kho	10		1.092.714.039.838	(555.472.216.922)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(37.617.295.092)	(464.138.565.022)
Biến động chi phí trả trước	12		188.155.260	(2.639.569.239)
			<b>1.307.270.460.752</b>	<b>(192.726.043.948)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(150.800.823.831)	(133.490.922.523)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.000.000.000)	(24.856.642.095)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(77.351.825.369)	(23.021.381.013)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.078.117.811.552</b>	<b>(374.094.989.579)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

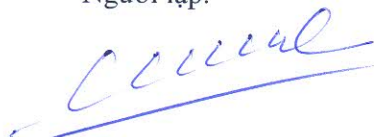
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.356.220.580)	(53.298.595.294)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		1.539.999.999	90.000.000
Tiền chi cho một bên liên quan vay	23		(10.000.000.000)	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(682.700.000.000)	(591.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	23		872.100.000.000	983.200.000.000
Tiền chi đầu tư vào một công ty con	25		(955.000.000)	(97.820.000.000)
Tiền thu đầu tư vào một công ty con	26		-	37.326.643
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		114.868.132.168	147.056.624.354
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>285.496.911.587</b>	<b>388.265.355.703</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay và trái phiếu nhận được	33		5.826.187.799.921	7.799.091.249.754
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.727.505.606.311)	(7.213.387.257.966)
Tiền chi cho việc phát hành trái phiếu	34		-	(25.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(901.317.806.390)</b>	<b>560.703.991.788</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>462.296.916.749</b>	<b>574.874.357.912</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>631.784.693.548</b>	<b>55.147.726.132</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>12.189.265.402</b>	<b>1.762.609.504</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>1.106.270.875.699</b>	<b>631.784.693.548</b>

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 12 công ty con (1/1/2016: 10 công ty con) và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 6.218 nhân viên (1/1/2016: 6.476 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất một cách riêng biệt. Để hiểu tổng quát tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, những báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 4 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 10 năm |

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(l) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.128.373.750	1.338.483.773
Tiền gửi ngân hàng	22.542.501.949	429.446.209.775
Các khoản tương đương tiền	1.080.600.000.000	201.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.106.270.875.699	631.784.693.548
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2016				1/1/2016			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng Dầu Việt Nam	171.578	6.004.500.000	1.990.304.800	(4.155.995.200)	141.800	6.004.500.000	1.446.360.000	(4.019.300.000)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	952.000.000	(4.311.000.000)	112.000	5.263.000.000	952.000.000	(4.359.160.000)
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	19	80.000	468.350	-	8	80.000	201.600	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	449.681.470	-	18.823	272.941.176	449.681.470	-
▪ Công ty Cổ phần Phân Lân Nung chảy Ván Điện	163.646	3.270.588.235	2.070.121.900	(1.578.106.335)	125.882	3.270.588.235	2.265.876.000	-
		14.811.109.411	5.462.576.520	(10.045.101.535)		14.811.109.411	5.114.119.070	(8.378.460.000)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	8.378.460.000	8.378.460.000
Tăng dự phòng trong năm	1.666.641.535	-
	10.045.101.535	8.378.460.000

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	401.600.000.000	591.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 5,0% đến 7,6% trong năm (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 5,0% đến 7,0% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, không có tiền gửi có kỳ hạn nào được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (1/1/2016: 591.000 triệu VND) (Thuyết minh 18(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Đầu tư tài chính dài hạn**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Đầu tư góp vốn vào:

**Các công ty con**

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Mseafood Corporation	Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,0%	90,0%	323.162.400.000	(***)	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	67,5%	67,5%	585.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,5%	97,5%	195.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	95,0%	95,0%	95.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,1%	99,1%	148.650.000.000	(***)	(148.650.000.000)
▪ Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	98,5%	98,5%	29.550.000.000	(***)	(16.869.553.925)
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,0%	100,0%	150.000.000.000	(***)	(150.000.000.000)
▪ Công ty TNHH MTV Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,0%	100,0%	4.500.000.000	(***)	(715.852.027)
▪ Công ty TNHH MTV Chuối Cung ứng Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	50,0%	50,0%	100.000.000.000	(***)	-
▪ Ebisumo Logistic Co., Ltd. (*)	Thành phố Tokyo, Nhật Bản	100,0%	100,0%	935.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú (**)	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	20.000.000	(***)	-
				<u>1.633.817.400.000</u>		<u>(316.235.405.952)</u>

**Công ty liên kết**

- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong

**Đơn vị khác**

- Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau

		49,0%	49,0%	3.900.000.000	(***)	-
	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					
	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(***)	(111.246.470)
				<u>1.644.717.400.000</u>		<u>(316.346.652.422)</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>% sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Dự phòng giảm giá VND</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>						
<b>Các công ty con</b>						
▪ Mseafood Corporation	Tiểu bang California, Hoa Kỳ	90,0%	90,0%	323.162.400.000	(***)	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	67,5%	67,5%	585.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	97,5%	97,5%	195.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	95,0%	95,0%	95.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,1%	99,1%	148.650.000.000	(***)	(107.464.380.566)
▪ Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	98,5%	98,5%	29.550.000.000	(***)	(7.207.120.489)
▪ Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	100,0%	100,0%	150.000.000.000	(***)	(132.481.977.701)
▪ Công ty TNHH MTV Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	100,0%	100,0%	4.500.000.000	(***)	(358.748.669)
▪ Công ty TNHH MTV Chuối Cung ứng Thủy sản Minh Phú	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100,0%	100,0%	2.000.000.000	(***)	-
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	50,0%	50,0%	100.000.000.000	(***)	-
				<b>1.632.862.400.000</b>		<b>(247.512.227.425)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Các công ty liên kết</b>						
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,0%	49,0%	3.900.000.000	(***)	-
<b>Đơn vị khác</b>						
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	10,0%	10,0%	7.000.000.000	(***)	(111.246.470)
				1.643.762.400.000		(247.623.473.895)

(\*) Ngày 15 tháng 5 năm 2015, căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 155/BB.HDQT.2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập Ebisumo Logistic Co., Ltd. có trụ sở tại thành phố Tokyo, Nhật Bản, với vốn pháp định được duyệt là 600.000 USD tương đương 13.098.000.000 VND. Công ty chưa góp vốn đầy đủ tại ngày lập báo cáo.

(\*\*) Ngày 23 tháng 3 năm 2016, căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 233/HDQT.MPC.16, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú có trụ sở tại tỉnh Hậu Giang, Việt Nam, với vốn pháp định được duyệt là 40.800.000.000 VND. Công ty chưa góp vốn đầy đủ tại ngày lập báo cáo.

(\*\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản đầu tư dài hạn với giá trị ghi sổ là 482.895 triệu VND (1/1/2016: 514.250 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho trái phiếu dài hạn do Công ty phát hành (Thuyết minh 18(b)).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	247.623.473.895	185.471.093.012
Tăng dự phòng trong năm	68.723.178.527	82.578.499.893
Dự phòng đã sử dụng trong năm	-	(20.426.119.010)
Số dư cuối năm	<u>316.346.652.422</u>	<u>247.623.473.895</u>

**6. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Mseafood Corporation	646.092.794.685	868.708.294.026
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	217.087.487.412	-
Các khách hàng khác	289.539.026.854	288.926.331.222
	<u>1.152.719.308.951</u>	<u>1.157.634.625.248</u>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
Mseafood Corporation	646.092.794.685	868.708.294.026
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	217.087.487.412	-
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	58.595.622.188	58.595.622.188
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	39.864.423.697	-
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	22.968.315.317	22.968.315.317
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	17.347.821.966	-
Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú	-	82.500.000
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	2.058.898.500	2.058.898.500

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 15 – 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 1.152.719 triệu VND (1/1/2016: 1.157.635 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**7. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho vay Công ty TNHH Tiếp vận Mekong, một bên liên quan. Khoản vay không đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 7% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: không) và phải thu về trong 12 tháng tính từ ngày giải ngân.

**8. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải thu	29.000.000.000	16.000.000.000
Phải thu từ các công ty con (*)	57.856.799.909	76.254.886.474
Lãi phải thu từ tiền gửi	7.943.939.443	10.515.206.947
Trả trước	2.097.037.960	1.078.875.140
Phải thu khác	4.527.729.502	10.612.494.493
	<b>101.425.506.814</b>	<b>114.461.463.054</b>

(\*) Khoản phải thu từ các công ty con phản ánh khoản cho công ty con vay để hỗ trợ vốn luân chuyển. Các khoản cho vay không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn khác phản ánh tạm ứng cho nông dân để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Khoản tạm ứng này không hưởng lãi và phải thu trong vòng 2 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	35.610.985.319	-	44.673.238.392	-
Công cụ và dụng cụ	1.256.226.668	-	1.111.611.014	-
Thành phẩm	873.481.979.300	(13.610.790.136)	1.957.278.381.719	(16.313.356.360)
	<u>910.349.191.287</u>	<u>(13.610.790.136)</u>	<u>2.003.063.231.125</u>	<u>(16.313.356.360)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	16.313.356.360	18.543.250.146
Tăng dự phòng trong năm	-	16.313.356.360
Hoàn nhập	(2.702.566.224)	(18.543.250.146)
Số dư cuối năm	<u>13.610.790.136</u>	<u>16.313.356.360</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 896.738 triệu VND (1/1/2016: 1.986.750 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 139.737 triệu VND (1/1/2016: 327.351 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	116.788.442.263	203.419.906.294	46.470.141.322	12.541.225.891	379.219.715.770
Tăng trong năm	-	9.391.979.430	1.515.870.273	461.960.880	11.369.810.583
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	952.785.455 -	- (409.157.736)	- (3.366.638.182)	- -	952.785.455 (3.775.795.918)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>117.741.227.718</b>	<b>212.402.727.988</b>	<b>44.619.373.413</b>	<b>13.003.186.771</b>	<b>387.766.515.890</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	43.005.928.554	95.605.868.678	19.929.207.381	5.720.463.213	164.261.467.826
Khấu hao trong năm	7.892.501.739	17.962.761.547	4.577.479.594	1.173.972.275	31.606.715.155
Thanh lý	-	(409.157.736)	(1.990.230.487)	-	(2.399.388.223)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>50.898.430.293</b>	<b>113.159.472.489</b>	<b>22.516.456.488</b>	<b>6.894.435.488</b>	<b>193.468.794.758</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	73.782.513.709	107.814.037.616	26.540.933.941	6.820.762.678	214.958.247.944
Số dư cuối năm	66.842.797.425	99.243.255.499	22.102.916.925	6.108.751.283	194.297.721.132

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá là 57.180 triệu VND đã khấu hao hết (1/1/2016: 47.876 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 182.264 triệu VND (1/1/2016: 69.781 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	22.181.099.585	19.572.187.118	41.753.286.703
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.181.094.158	1.869.407.764	6.050.501.922
Khấu hao trong năm	344.971.782	1.394.180.670	1.739.152.452
Số dư cuối năm	4.526.065.940	3.263.588.434	7.789.654.374
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	18.000.005.427	17.702.779.354	35.702.784.781
Số dư cuối năm	17.655.033.645	16.308.598.684	33.963.632.329

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.899 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 2.625 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 2.779 triệu VND (1/1/2016: 2.176 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.560.994.364	17.973.392.000
Tăng trong năm	4.052.785.455	28.030.618.364
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(952.785.455)	(24.588.422.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(16.767.581.500)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.087.012.500)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	6.660.994.364	3.560.994.364

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Máy móc	6.660.994.364	3.560.994.364

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	400.442.358	1.140.368.410

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>
Số dư đầu năm	10.418.336.264
Tăng trong năm	7.573.753.543
Phân bổ trong năm	(7.021.982.751)
	<hr/>
Số dư cuối năm	10.970.107.056

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	88.383.538	121.433.809
<hr/>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(1.592.780.040)	(317.712.922)
<hr/>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(1.504.396.502)	(196.279.113)
<hr/> <hr/>		

**15. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	-	26.565.972.727
DNTN Minh Hy	16.088.232.201	8.517.087.948
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	-	36.922.698.573
Các nhà cung cấp khác	92.944.037.411	61.900.234.364
<hr/>		
	109.032.269.612	133.905.993.612
<hr/> <hr/>		

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	-	36.922.698.573
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	-	26.565.972.727
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	-	6.750.000.000
Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú	3.085.123.859	92.897.700
	<hr/>	<hr/>
	3.085.123.859	70.331.569.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Số dư khoản phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 không bị quá hạn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế phải thu và phải nộp Ngân sách Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	40.033.872.466	-	(40.033.872.466)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.318.026.109	-	(6.318.026.109)	-
Thuế thu nhập cá nhân	873.868.347	3.411.761.368	(3.977.230.077)	-	308.399.638
	873.868.347	49.763.659.943	(3.977.230.077)	(46.351.898.575)	308.399.638

**(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số thu được trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.155.642.862	1.000.000.000	-	(6.318.026.109)	7.837.616.753
Thuế xuất nhập khẩu	1.750.235.640	79.562.893	(1.537.775.614)	-	292.022.919
Thuế khác	57.897.220	37.167.310	-	-	95.064.530
	14.963.775.722	1.116.730.203	(1.537.775.614)	(6.318.026.109)	8.224.704.202

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	2.619.368.300	2.619.368.300
Lãi vay phải trả	8.968.010.330	12.258.134.547
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	4.365.121.815	4.231.955.107
Hoa hồng phải trả	-	682.257.718
Phải trả khác	2.429.502.941	78.708.508
	<hr/>	<hr/>
	<b>18.382.003.386</b>	<b>19.870.424.180</b>
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản ký quỹ nhận từ Công ty Cổ phần Việt Nam Organics để mua hàng hóa. Khoản ký quỹ nhận được không chịu lãi và phải trả trong vòng 15 năm.

Phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 không bị quá hạn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay và trái phiếu**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2016		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.391.622.664.937	1.391.622.664.937	1.895.841.652	1.002.200.700.199
		5.826.187.799.921	(6.227.505.606.311)	1.002.200.700.199

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	VND	-	-	764.100.136.557
Khoản vay 1	USD	1,5%	599.337.540.834	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	VND	-	-	312.221.609.610
Khoản vay 3	USD	1,5 - 1,8%	320.099.032.139	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	VND	-	-	315.300.918.770
Khoản vay 5				
Ngân Hàng Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	USD	1,5%	82.764.127.226	-
Khoản vay 6				
			<b>1.002.200.700.199</b>	<b>1.391.622.664.937</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b>	
	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 5(b))	-	591.000.000.000
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 6)	1.152.719.308.951	1.157.634.625.248
Hàng tồn kho (Thuyết minh 9)	896.738.401.151	1.986.749.874.765
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	182.263.966.486	69.781.370.775
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	2.779.324.627	2.175.874.192
	<b>2.234.501.001.215</b>	<b>3.807.341.744.980</b>

**(b) Trái phiếu**

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất (năm)</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi					
Lô 1	VND	9,65%	2017	-	500.000.000.000
Lô 2 (*)	VND	7,50%	2020	2.482.916.666.673	2.477.916.666.669
				<b>2.482.916.666.673</b>	<b>2.977.916.666.669</b>

- (\*) Trái phiếu doanh nghiệp với mệnh giá 1 tỷ VND được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2015 được đảm bảo bằng khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 482.895 triệu VND (1/1/2016: 514.250 triệu VND) (Thuyết minh 5(c)) và không chuyển đổi. Trái phiếu sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 20 tháng 5 năm 2020. Trái phiếu được trình bày theo mệnh giá trừ đi chi phí phát hành. Chi phí phát hành được tính phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	73.721.625.985	54.525.794.658
Trích lập trong năm	-	27.101.848.228
Sử dụng trong năm	(34.918.215.659)	(7.906.016.901)
Số dư cuối năm	<u>38.803.410.326</u>	<u>73.721.625.985</u>

**20. Dự phòng dài hạn**

Dự phòng dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng dài hạn trong năm như sau:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	1.214.338.090	1.531.000.202
Dự phòng sử dụng trong năm	(330.502.714)	(316.662.112)
Số dư cuối năm	<u>883.835.376</u>	<u>1.214.338.090</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	26.369.260.894	662.220.640.706	1.486.304.679.975
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	129.802.705.100	129.802.705.100
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	40.652.772.342	(40.652.772.342)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(27.101.848.228)	(27.101.848.228)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(14.798.702.000)	-	(14.798.702.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	52.223.331.236	724.268.725.236	1.574.206.834.847
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	108.847.118.094	108.847.118.094
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(42.433.609.710)	-	(42.433.609.710)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	700.000.000.000	177.876.869.236	(80.162.090.861)	9.789.721.526	833.115.843.330	1.640.620.343.231

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(1.537.150)	(80.162.090.861)	(1.537.150)	(80.162.090.861)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	68.462.850	619.837.909.139	68.462.850	619.837.909.139

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	42.906.481.920	42.906.481.920
Trong vòng hai đến năm năm	45.664.501.920	8.274.060.000
	88.570.983.840	51.180.541.920
	88.570.983.840	51.180.541.920

**(b) Các loại ngoại tệ**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	79.088	1.799.320.622	18.103.521	408.053.366.946
JPY	90.627.318	17.762.954.328	91.665.403	17.049.765.702
		19.562.274.950		425.103.132.648
		19.562.274.950		425.103.132.648

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	1.003.465.266
	-	1.003.465.266
	-	1.003.465.266

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	8.164.308.603.420	8.552.975.167.468
▪ Nguyên vật liệu đã bán	5.756.278.620	4.717.600.185
▪ Phế liệu đã bán	13.517.999.000	13.333.677.940
	<hr/>	<hr/>
	8.183.582.881.040	8.571.026.445.593
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	(83.836.811)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.076.570.343)	(156.656.392)
▪ Hàng bán bị trả lại	(45.699.137.949)	(125.529.539.673)
	<hr/>	<hr/>
	(46.775.708.292)	(125.770.032.876)
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	8.136.807.172.748	8.445.256.412.717

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Thành phẩm đã bán	7.599.712.382.943	7.815.235.037.327
Nguyên vật liệu đã bán	4.725.196.995	4.515.452.225
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.702.566.224)	(2.229.893.786)
	<hr/>	<hr/>
	7.601.735.013.714	7.817.520.595.766

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	67.500.952.723	64.323.090.700
Cổ tức	57.795.911.941	81.830.440.601
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.826.972.841	57.718.689.304
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.989.616.283	3.181.581.044
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.508.941.122
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	147.113.453.788	208.562.742.771

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	147.510.699.614	139.642.284.396
Dự phòng giảm giá đầu tư	68.723.178.527	82.578.499.893
Lỗ chênh lệch tỷ giá	56.288.599.884	134.974.168.258
Chi phí phát hành trái phiếu	5.000.000.004	2.916.666.669
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	1.666.641.535	-
Lỗ từ giải thể công ty con	-	212.507.759
Chi phí tài chính khác	20.346.477	23.474.720
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	279.209.466.041	360.347.601.695

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	13.535.479.276	13.452.006.530
Chi phí vận chuyển	125.515.700.885	164.013.355.342
Chi phí thuê nhà kho	51.364.133.618	62.611.191.100
Chi phí hoa hồng	19.634.491.907	19.757.202.962
Chi phí bán hàng khác	25.657.241.478	26.274.859.365
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	235.707.047.164	286.108.615.299

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	25.273.060.889	24.140.936.485
Dụng cụ văn phòng	6.371.675.629	7.144.995.559
Chi phí khấu hao	5.413.938.983	4.848.616.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.017.748.589	10.070.640.307
Phí ngân hàng	1.190.519.833	2.302.726.531
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.201.989.171	12.205.777.507
	<hr/>	<hr/>
	53.468.933.094	60.713.692.476
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	5.903.016.767.458	6.631.871.230.706
Chi phí nhân công và nhân viên	502.381.380.113	484.780.417.992
Chi phí khấu hao và phân bổ	33.345.867.607	30.463.314.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.128.108.682	368.667.223.181
Chi phí khác	43.242.467.693	59.622.510.234
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	6.318.026.109	6.728.585.804
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(7.692.717.699)
	6.318.026.109	(964.131.895)
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.308.117.389	(1.620.997.496)
	7.626.143.498	(2.585.129.391)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	116.473.261.592	127.217.575.709
Thuế theo thuế suất của Công ty	11.647.326.159	12.721.757.571
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho thu nhập thương mại	1.568.726.330	1.603.669.015
Chi phí không được khấu trừ thuế	189.682.203	498.378.058
Thu nhập không chịu thuế	(5.779.591.194)	(9.716.216.336)
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(7.692.717.699)
	7.626.143.498	(2.585.129.391)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 10% lợi nhuận chịu thuế cho hoạt động chế biến và sản xuất các sản phẩm thủy sản và 20% cho hoạt động thương mại từ năm 2016 (2015: 22%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên quan như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Chế Biến Thủy Sản Minh Quý</b>		
Bán thành phẩm	239.303.216.243	306.764.980.361
Thuê văn phòng	330.000.000	330.000.000
Phí thuê nhà máy	16.200.000.000	18.000.000.000
Cổ tức	45.563.698.023	34.432.489.222
<b>Công ty TNHH Chế Biến Thủy Sản Minh Phát</b>		
Bán thành phẩm	65.527.406.838	7.974.840.413
Thuê văn phòng	80.000.000	80.000.000
Phí thuê nhà máy	18.750.000.000	19.800.000.000
Cổ tức	11.962.660.918	16.083.246.379
<b>Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang</b>		
Mua nguyên vật liệu	7.208.809.844	-
Mua thành phẩm	740.924.405.370	1.824.580.849.540
Bán nguyên vật liệu	4.880.838.690	8.757.450.666
Bán thành phẩm	1.528.974.113.245	1.370.153.444.018
Thu nhập cho thuê	100.000.000	1.100.000.000
Phí thuê nhà kho	728.045.803	1.691.171.803
Cổ tức	-	134.999.999.481
<b>Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú Kiên Giang</b>		
Mua nguyên vật liệu	7.753.658.200	4.464.340.915
<b>Công ty TNHH Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú - Lộc An</b>		
Doanh thu cho thuê	-	140.000.000
<b>Mseafood Corporation</b>		
Bán thành phẩm	3.432.364.864.491	2.985.947.153.997
Hàng bị trả lại	12.226.949.072	15.689.324.722
<b>Công ty TNHH MTV Chuỗi cung ứng Thủy sản Minh Phú</b>		
Cung cấp dịch vụ	12.756.050.204	16.353.970.000
Thu nhập cho thuê	150.000.000	150.000.000
Góp vốn	-	2.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang</b>		
Góp vốn	-	97.820.000.000
Cổ tức	-	31.000.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ebisumo Logistic Co., Ltd.</b>		
Bán thành phẩm	971.069.381	-
Góp vốn	935.000.000	-
<b>Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú</b>		
Góp vốn	20.000.000	-
<b>Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong</b>		
Bán hàng hóa	-	1.019.072.564
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Mekong</b>		
Cho vay	10.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	2.590.410.240	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng</b>		
Thuê văn phòng	1.829.200.255	2.259.261.422
<hr/>		
<b>Các giao dịch với nhân sự chủ chốt</b>		
Tổng lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:		
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương thưởng và trợ cấp	7.883.473.542	9.241.531.131
<hr/>		

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Hoạt động phi tiền tệ**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cán trừ thuế giá trị gia tăng được hoàn với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	8.949.440.014
Chuyển từ các khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền sang các khoản phải thu từ Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	-	9.075.680.545
Chuyển từ các khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền sang các khoản phải trả cho Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	-	6.348.366.465
Nguyên giá tài sản cố định đã mua nhưng chưa chi trả trong năm	6.066.375.458	-
	6.066.375.458	-

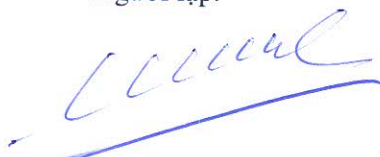
**35. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Ngày 12 tháng 1 năm 2017, căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/HĐQT.MPC.17, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thành lập một công ty con, Công ty Cổ phần Xã hội Chuỗi Tôm rừng Minh Phú, trụ sở tại tỉnh Cà Mau. Công ty góp 25% cổ phần của đơn vị này, tương đương với 4,5 tỷ VND, Công ty TNHH MTV Chuỗi Cung ứng Thủy sản Minh Phú, một công ty con mà Công ty sở hữu 100% góp 19,44% cổ phần (3,5 tỷ VND) và Công ty TNHH Sản xuất Giống Thủy sản Minh Phú, một công ty con mà Công ty sở hữu 98,5% góp 5,56% cổ phần (1 tỷ VND). Các cổ đông còn lại là Ông Lê Văn Quang (44% cổ phần) và Bà Lê Thị Dị Minh (5,56% cổ phần).

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Xã hội Chuỗi Tôm rừng Minh Phú là nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lưu Minh Trung  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc